

Bản án số: 1040/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/08/2023

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 460/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 275/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Bích V, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 93/18 đường P, Phường X, quận T, Thành phố Z (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Vũ Tuấn L, sinh năm 1974; Địa chỉ thường trú: P115-B21 phường K, quận Y, Thành phố H; Địa chỉ cư trú: Số 32/101 đường A, Phường I, quận G, Thành phố Z (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, biên bản làm việc, nguyên đơn là bà Ngô Bích V đã trình bày ý kiến và yêu cầu như sau: Bà và ông Vũ Tuấn L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận T, Thành phố Z. Thời gian chung sống hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do đôi bên không hợp nhau về tính tình, suy nghĩ lẫn cách sống, hai bên có cuộc sống riêng không quan tâm chăm

sóc lẫn nhau. Nay cảm thấy hạnh phúc không còn nên bà V yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Vũ Tuấn L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông Vũ Tuấn L có 02 con chung tên: Vũ Quỳnh F, sinh ngày 08/03/2011 và Vũ Việt F2, sinh ngày 25/11/2017. Sau khi ly hôn bà V đề nghị được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Vũ Quỳnh F và Vũ Việt F2. Bà V không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm, thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật; tuy nhiên ông Vũ Tuấn L vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn năm 2010, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Bích V và ông Vũ Tuấn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà V và ông L chung sống không hạnh phúc. Nay bà V yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi 02 con tên Vũ Quỳnh F, sinh ngày 08/03/2011 và Vũ Việt F2, sinh ngày 25/11/2017. Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà V; Giao 02 con chung tên Vũ Quỳnh F, sinh ngày 08/03/2011 và Vũ Việt F2, sinh ngày 25/11/2017 cho bà V nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông L do bà V không có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Bà V không yêu cầu giải quyết; Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Bà Ngô Bích V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Vũ Tuấn L do cuộc sống gia đình không được hạnh phúc. Ông L cư trú tại địa chỉ: Số 32/101 đường A, Phường I, quận G, Thành phố Z theo kết quả cung cấp chứng cứ ngày 12/5/2023 của Công an Phường 17, quận Gò Vấp. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Ông Vũ Tuấn L đã được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1, khoản 2 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông L vắng mặt không lý do. Bà V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Tuấn L và bà Ngô Bích V.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu của bà Ngô Bích V được ly hôn với ông Vũ Tuấn L; Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa bà V và ông L là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 84 quyền số 01/2010 ngày 08/5/2010 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận T, Thành phố Z.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà V và ông L có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, suy nghĩ lẫn cách sống, giữa bà V và ông L không có tiếng nói chung, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Mặt khác từ khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải cho các bên để có thể hàn gắn những mâu thuẫn trong gia đình nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do. Qua đó cho thấy ông L cũng không thể hiện ý chí đoàn tụ cùng bà V để cùng nhau có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông L không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Ngô Bích V đối với ông Vũ Tuấn L.

[4] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà V và ông L có 02 người con chung tên Vũ Quỳnh F, sinh ngày 08/03/2011 và Vũ Việt F2, sinh ngày 25/11/2017. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay 02 trẻ Vũ Quỳnh F và Vũ Việt F2 đang sinh sống cùng bà V, đồng thời trẻ Vũ Quỳnh F cũng có nguyện vọng sống chung với bà V, để tránh đi sự xáo trộn về cuộc sống của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V về việc giao 02 con chung tên Vũ Quỳnh F, sinh ngày 08/03/2011 và Vũ Việt F2 sinh ngày 25/11/2017 cho bà V trực tiếp

nuôi dưỡng. Bà V không có yêu cầu ông L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Bích V không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Bích V;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Bích V, sinh năm 1977 được ly hôn với ông Vũ Tuấn L, sinh năm 1974.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84 quyển số 01/2010 ngày 08/05/2010 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận T, Thành phố Z cấp cho bà Ngô Bích V và ông Vũ Tuấn L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên Vũ Quỳnh F, sinh ngày 08/03/2011 và Vũ Việt F2, sinh ngày 25/11/2017 cho bà Ngô Bích V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Vũ Tuấn L do bà V không có yêu cầu.

Ông L được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết hoặc khi có lý do chính đáng một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Ngô Bích V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà V đã nộp theo biên lai thu

tiền số 0013096 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Quận Gò Vấp;
- UBND Phường 11, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quốc Việt